

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HS-ST

Ngày: 14-6-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh; bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2019/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HS ngày 17/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/HSST-QĐ ngày 31/5/2019, đối với bị cáo:

Tạ Quang T; giới tính: Nam; sinh ngày 11 tháng 01 năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 28, đường T, tổ 01, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Số nhà 11, ngõ 6, đường Đ, tổ 07, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn (văn hóa): 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông ông Tạ Văn T, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1968; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1992, trú tại: Số nhà 11, ngõ 6, đường Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/12/2018 đến ngày 13/12/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thùy L, sinh năm 1984, trú tại: Số nhà 260, đường Trần Thánh Tông, tổ 33, phường T, thành phố B, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1989, trú tại: Số nhà 15, ngõ 09, đường T, tổ 02, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- *Người chứng kiến:*

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, trú tại: Số nhà 125, lô 07, tổ 06, phường D, thành phố B, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1992, trú tại: Số nhà 11, ngõ 6, đường Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/11/2017, tại phòng trọ của chị Phạm Thùy L ở số 19, tầng 2, khu tập thể Liên đoàn lao động tỉnh Thái Bình, bị cáo Tạ Quang T cho chị L và chị Nguyễn Hồng N vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Chị N viết giấy vay tiền của bị cáo T nhưng lấy tên chị Phạm Thùy L là người vay. Bị cáo T đưa cho chị L số tiền 16.000.000 đồng và trừ 4.000.000 đồng tiền lãi trong vòng 10 ngày đầu. Ngày 21/11/2017, tại phòng trọ của chị L, bị cáo T cho chị L và chị N vay thêm số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Bị cáo đưa cho chị L 24.000.000 đồng và trừ 6.000.000 đồng tiền lãi trong 10 ngày đầu. Chị L viết giấy vay bị cáo T là 50.000.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng vay ngày 20/11/2017 và 30.000.000 đồng vay ngày 21/11/2017). Đến ngày 07/12/2017, cũng tại phòng trọ của chị L, bị cáo T tiếp tục cho chị L và chị N vay thêm số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Tại phòng trọ của chị L, T đưa cho chị L đủ số tiền 40.000.000 đồng, lần vay này bị cáo không cắt lãi trước. Như vậy, tổng số tiền chị L và chị N vay của bị cáo T là 90.000.000 đồng với lãi suất 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Chị L đã 02 lần trả tiền lãi cho bị cáo T nhưng không nhớ thời gian, địa điểm trả tiền lãi, lần thứ nhất là 15.000.000 đồng, lần thứ hai là 3.000.000 đồng. Chị N đã 03 lần trả tiền lãi cho bị cáo T nhưng không nhớ thời gian, địa điểm trả tiền lãi, lần thứ nhất là 2.000.000 đồng, lần thứ hai là 3.000.000 đồng, lần thứ ba là 9.000.000 đồng. Sau đó, chị N và chị L không trả lãi cho bị cáo T nữa. đến tháng 06/2018, chị N và chị L và bị cáo T thống nhất với nhau là chị L và chị N nợ T 90.000.000 đồng tiền gốc và 190.000.000 đồng tiền lãi chưa trả (bị cáo T trừ cho L và N khoảng 30% tiền lãi suất). Tổng cả tiền gốc và tiền lãi thành 280.000.000 đồng, chị N, chị L mỗi người nợ 140.000.000 đồng. Bị cáo T yêu cầu chị L và chị N trả số tiền nợ trên mà không tiếp tục tính lãi suất nữa. Đến ngày 11/9/2018, chị N và chị L không trả được số tiền đã nợ nên bị cáo T yêu cầu viết giấy cam kết trả nợ. Sau khi viết giấy cam kết trả nợ thì chị N trả cho bị cáo T 10.000.000 đồng và chị L trả cho bị cáo T 6.000.000 đồng. Khoảng một tháng sau, do chị L và chị N không trả được tiền nên bị cáo T tiếp tục tính lãi suất số tiền chị L và chị N còn nợ, với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, chị L và chị N đồng ý. Như vậy, chị L phải trả bị cáo T số tiền 20.100.000 đồng tiền lãi một tháng, chị N phải trả bị cáo

T số tiền 19.500.000 đồng tiền lãi một tháng (tính từ ngày 08/10/2018). Trong tháng 11/2018, bị cáo T trả lãi 03 lần cho bị cáo T tổng số tiền 19.000.000 đồng, ngày 04/12/2018, tại quán café Karaoke Kim Ngân tại địa chỉ: Lô 07, tổ 06, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình bị cáo T số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 08/10/2018 đến 08/11/2018 và trả trước 1.000.000 đồng tiền lãi của tháng tiếp theo. Bị cáo T đã trả bị cáo T 10.000.000 đồng tiền lãi trước đó vì vậy bị cáo T trả thêm bị cáo T 9.500.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 08/10/2018 đến 08/11/2018 và trả trước bị cáo T 12.500.000 đồng tiền lãi tháng tiếp theo, bị cáo T nhận tiền và ký vào giấy vay tiền của bị cáo N, bị cáo L. Khi bị cáo T đang đếm tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình kiểm tra và lập biên bản sự việc.

Ngày 04/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Tạ Quang T, thu giữ 47 tờ giấy nhận tiền lưu trữ thông tin khách hàng nhận tiền của anh Đặng Đức L, sinh năm 1976, trú tại số nhà 205, đường K, phường P, thành phố B và 51 tờ giấy vay tiền lưu trữ thông tin khách hàng vay tiền của Phạm Văn Đ, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã L, thành phố B.

Cách thức tính tiền lãi thu lợi bất chính như sau:

Ví dụ: **A** là tiền lãi thu lợi bất chính, **B** là tiền lãi thu được của khoản vay. **C** là số ngày vay tiền, **D** là số tiền vay.

$$A = B - (20\% \div 365 \times C \times D)$$

Trong đó 20% là phần trăm vay tối đa trên 1 năm của khoản vay theo thỏa thuận, 365 là số ngày của 1 năm.

Theo cách tính trên xác định:

- Số tiền lãi bị cáo T thu lợi bất chính của lần vay ngày 20/11/2017 là: 3.890.000 đồng (đã làm tròn).

- Số tiền lãi bị cáo T thu lợi bất chính từ ngày 22/11/2017 đến ngày 07/12/2017 là: 5.736.000 đồng (đã làm tròn).

- Số tiền lãi bị cáo T thu lợi bất chính từ ngày 08/12/2017 đến ngày 01/06/2018 là: 23.271.000 đồng (đã làm tròn).

Trong giai đoạn này bị cáo T cho vay với lãi suất 20.000đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với mức lãi suất 730%/năm.

- Số tiền lãi bị cáo T thu lợi bất chính từ ngày 11/09/2018 đến ngày 04/12/2018 là: 64.808.000 đồng (đã làm tròn).

Trong giai đoạn này bị cáo T cho vay với lãi suất 5.000đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm.

Tổng số tiền lãi mà bị cáo T thu lợi bất chính từ việc cho vay trên là: 97.705.000 đồng (đã làm tròn).

Cáo trạng số 79/CT-VKSTP ngày 22/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Tạ Quang T về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 201; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 36; điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tạ Quang T mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T 400.000 đồng/tháng trong thời gian chấp hành hình phạt. Phạt bổ sung bị cáo T từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền thu lời bất chính của bị cáo 43.000.000 đồng.

+ Trả lại bị cáo Tạ Quang T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu vàng đã cũ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng, 01 chiếc sim điện thoại số 0916979248 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo T phải nộp 54.705.000 đồng thu lời bất chính để sung ngân sách nhà nước.

- Không đặt ra giải quyết số tiền gốc mà bị cáo T cho chị L và chị N vay.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố, không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định

của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Tạ Quang T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Biên bản sự việc do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 16 giờ ngày 04/12/2018 (bút lục số 19 đến 24); bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thùy L và chị Nguyễn Hồng N (bút lục số 279 đến 305); biên bản ghi lời khai của người chứng kiến là chị Nguyễn Thị H\ và chị Vũ Thị T (bút lục số 455, 456, 471, 474). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/11/2017 đến ngày 04/12/2018, bị cáo Tạ Quang T có hành vi cho chị Phạm Thùy L và chị Nguyễn Hồng N vay tổng số tiền 90.000.000 đồng, tính lãi suất từ mức 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 20.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương lãi suất tính theo năm là từ 182,5%/năm đến 730%/năm). Theo quy định của pháp luật thì chị Nguyễn Hồng N và chị Phạm Thùy L phải trả lãi của số tiền gốc cho bị cáo là 13.295.000 đồng nhưng tổng số tiền lãi mà chị N và chị L đã trả cho bị cáo là 111.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị cáo T thu lợi bất chính từ việc cho vay trên là 97.705.000 đồng. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: Tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”: *“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*.

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng. Tội phạm mà bị cáo đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, vì vậy Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội. Ngoài hình phạt chính, bị cáo Tạ Quang T còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Tạ Quang T có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với số tiền gốc 90.000.000 đồng mà bị cáo Tạ Quang T cho chị Phạm Thùy L và chị Nguyễn Hồng N vay, xét thấy đây là quan hệ dân sự dựa trên sự tự nguyện của các bên nên sẽ được giải quyết theo tố tụng dân sự, không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[6.1] Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 43.000.000 đồng thu lời bất chính đã thu giữ của bị cáo Tạ Quang T.

[6.2] Trả lại bị cáo Tạ Quang T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu vàng đã cũ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng và 01 chiếc sim điện thoại số 0916979248 mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7] Buộc bị cáo Tạ Quang T phải nộp số tiền 54.705.000 đồng thu lời bất chính để sung ngân sách nhà nước.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 điều 201; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 36; điều 50; điều 46; điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106; điều 135; điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về tội danh: Bị cáo Tạ Quang T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Tạ Quang T **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày bị tạm giữ quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải thi hành **02** (hai) năm **05** (năm) tháng **03** (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy

ban nhân dân phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành bản án và bản án.

Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Tạ Quang T 400.000 đồng/tháng trong thời gian chấp hành hình phạt.

Bị cáo Tạ Quang T phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Tạ Quang T cho Ủy ban nhân dân phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo Tạ Quang T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T.

2.1. Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 43.000.000 đồng tiền thu lời bất chính mà cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo T.

3.2. Trả lại bị cáo Tạ Quang T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu vàng đã cũ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng và 01 chiếc sim điện thoại số 0916979248 nhưng giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 23/4/2019).

4. Buộc bị cáo Tạ Quang T phải nộp số tiền 54.705.000 đồng thu lời bất chính để sung ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo Tạ Quang T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 14/6/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQĐT CATP.Thái Bình;
- CQTHAHS CATP.Thái Bình;
- UNND phường Tiền Phong,
TP.Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Thái